TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 278/2018/HC-PT
Ngày 08 – 8 – 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 495/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1194/2017/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2018/QĐ-PT ngày 04/01/2018; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 80 đường HB, Khu phố 6, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo văn bản ngày 11/11/2016): Ông Nguyễn Đăng Ch, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 1/9A Đường 45, Khu phố 2, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận TĐ.

Địa chỉ: Số 43 NVB, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo văn bản số 1459/GUQ-UBND ngày 18/4/2017): Ông Trần Văn D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ, *(xin vắng mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978 – Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ, *(có mặt).*

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng Ch là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296421, vào sổ cấp giấy số 00024 QSDĐ/1998 ngày 14/9/1998 (gọi là Giấy chứng nhận 00024), Ủy ban nhân dân (UBND) quận TĐ đã chứng nhận ông Bùi Văn M (sinh năm 1919, chết 2008) được quyền sử dụng 3.882m^2 đất lúa thuộc các thửa 723 và 728, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường HB Phước, quận TĐ. Sau đó, gia đình ông M lần lượt chuyển nhượng và có đăng ký thay đổi, đến ngày 09/12/2009 phần diện tích còn lại là 1.400,2m^2. Đến năm 2010 những người thừa kế theo pháp luật của ông M gồm các ông, bà Nguyễn Thị C, Bùi Thị T, Bùi Thị Thu Ng, Bùi Thị Thu H2 và Bùi Quang M1 đã nhường đứt toàn bộ quyền sử dụng đất trong 1.400,2m^2 đất này cho bà T theo Giấy thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 24/9/2010 tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 1844 quyển số 1 TP/CC-SCC/HĐGĐ.

Ngày 14/7/2015, bà T làm đơn yêu cầu UBND quận TĐ cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 413,3m^2 thuộc thửa 41, tờ bản đồ 68 tọa lạc tại phường HB Phước, quận TĐ. Kèm theo đơn yêu cầu bà T có cung cấp Giấy chứng nhận 00024; bản đồ hiện trạng vị trí đã kiểm tra xác nhận số 3764/VPĐK ngày 28/11/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 04/9/2015, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận TĐ (gọi là Văn phòng) ban hành Văn bản số 437/VPĐK về việc giao trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cho bà T. Trong nội dung văn bản này Văn phòng đề nghị bà T liên hệ đơn vị đo đạc điều chỉnh lại bản vẽ cắt trừ phần diện tích 81,2m^2 trong diện tích

413,3m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 và thể hiện đúng hiện trạng (hẻm phía tây khu đất) trước khi lập hồ sơ cấp đổi đối với phần diện tích 332,1m^2 còn lại thuộc thửa 728, tờ bản đồ số 10 theo bản vẽ kèm theo hồ sơ. Không đồng ý với văn bản này, bà T đã gửi đơn kiến nghị yêu cầu UBND quận TĐ xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 cho bà.

Ngày 26/10/2016, UBND quận TĐ có Văn bản số 4358/UBND-TNMT (gọi là Văn bản 4358) về việc không giải quyết cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quận TĐ theo đơn kiến nghị của bà T.

Ngày 18/01/2017, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định hành chính được thể hiện dưới hình thức Văn bản 4358, vì nội dung văn bản này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Người khởi kiện là bà Bùi Thị T có ông Nguyễn Đăng Ch đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào Giấy tay năm 1958 thì thửa đất có diện tích 0H 22 sào tại xã HB Phước do bà Nguyễn Thị C mua, năm 1985 ông Bùi Văn M đã giao thửa đất này cho Ban Nông nghiệp xã HBP. Đến năm 1990, ông M có làm đơn xin lại thửa đất và đã được chấp thuận theo Biên bản về việc giải quyết đất sản xuất cho ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị C lập ngày 16/11/1990. Phần diện tích 81,2m^2 là con mương nằm trong thửa đất. Sau khi được giao lại đất, gia đình bà T đã trực tiếp sử dụng con mương để lấy nước làm ruộng, qua các thời kỳ tự nhiên hình thành con đường đất, gia đình bà T đã tự rào lại sử dụng ổn định, hợp pháp từ đó đến nay. Theo tài liệu năm 1992, thửa đất trên được chiết thành các thửa 723, 728, 729, tờ bản đồ số 10. Hiện trạng không còn là con mương nữa mà là con đường có trải đất và bà T đã tự rào nguyên khu đất thuộc thửa 728, 729 với tổng diện tích 413,3m^2 và đang cho thuê để đất cát xây dựng.

UBND quận TĐ cho rằng phần diện tích trên trước đây là đất thủy lợi, đất công cộng, bà T đã lấn chiếm, nhưng phía UBND quận TĐ không chứng minh được đất thuộc công trình thủy lợi gì và bà T đã lấn chiếm từ thời điểm nào. Vì vậy, việc UBND quận TĐ không cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 cho bà T là trái với quy định của pháp luật. Việc UBND quận TĐ ban hành Văn bản 4358 là không khách quan, yêu cầu Tòa án hủy văn bản này và buộc UBND quận TĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 81,2m^2 cho bà T theo quy định.

Tại Văn bản số 1473/UBND-TNMT ngày 19/4/2017, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận TĐ có ý kiến như sau:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí có số hợp đồng 5054/HAA/2014 ngày 17/11/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã kiểm tra xác nhận số 3764/VPĐK ngày 21/11/2014 thì phần đất có diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729 tài liệu năm 1992.

Tại xác nhận ngày 30/7/2015, UBND phường HB Phước đã xác nhận: Thửa 729, tờ bản đồ 10 là đất thủy lợi do UBND phường quản lý, đề nghị không thể hiện trong ranh đề nghị công nhận của chủ sử dụng và có đề xuất không công nhận cấp giấy.

Về quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 được duyệt theo Quyết định số 2129/2008/QĐ-UBND ngày 24/01/2008 của UBND quận TĐ thì phần đất trên thuộc một phần đất ở hiện hữu cải tạo xây chen và một phần giao thông (quy hoạch đường 10m).

UBND quận TĐ căn cứ vào khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐCP của Chính Phủ ban hành văn bản không giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích 81,2m^2 cho bà T là có cơ sở. Do đó, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1194/2017/HC-ST ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về yêu cầu hủy Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân quận TĐ có nội dung trả lời đơn yêu cầu xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quận TĐ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2017 ông Nguyễn Đăng Ch là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng công nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đăng Ch là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND quận TĐ trình bày: Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của UBND quận TĐ là văn bản trả lời đơn kiến nghị của bà T về việc cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quận TĐ. Văn bản này có nội dung không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn kiến nghị của bà T đối với diện tích đất nêu trên là có cơ sở, đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự tham gia tố tụng vụ án đã thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về kháng cáo của ông Nguyễn Đăng Ch là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị T:

Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của UBND quận TĐ về việc không giải quyết cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quận TĐ theo đơn kiến nghị của bà T có chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị T. Tuy nhiên, việc UBND quận TĐ ban hành công văn để giải quyết khiếu nại của công dân là không đúng về hình thức theo với quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011: "Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại" và không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011: "Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình". Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của UBND quận TĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T, do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đăng Ch thực hiện, nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định:

[1] Ngày 14/7/2015, bà T làm đơn yêu cầu UBND quận TĐ cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất 413,3m^2 thuộc thửa 41, tờ bản đồ 68 tọa lạc tại phường HB Phước, quận TĐ. Ngày 04/9/2015, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận TĐ ban hành Văn bản số 437/VPĐK về việc giao trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cho bà T. Trong nội dung văn bản này, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận TĐ đề nghị bà T liên hệ đơn vị đo đạc điều chỉnh lại bản vẽ cắt trừ phần diện tích 81,2m^2 trong diện tích 413,3m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 và thể hiện đúng hiện trạng (hẻm phía tây khu đất) trước khi lập hồ sơ cấp đổi đối với phần diện tích 332,1m^2 còn lại thuộc thửa 728, tờ bản đồ số 10 theo bản vẽ kèm theo hồ sơ. Không đồng ý với văn bản này, bà T đã gửi đơn kiến nghị yêu cầu UBND quận TĐ xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 cho bà. Ngày 26/10/2016, Ủy ban nhân dân quận TĐ có Văn bản số 4358/UBND-TNMT về việc không giải quyết cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quân TĐ theo đơn kiến nghị của bà T.

[2] Như vậy, Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 được UBND quận TĐ ban hành là để giải quyết việc bà T không đồng ý với Văn bản số 437/VPĐK ngày 04/9/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận TĐ và có nội dung chứa đựng việc giải quyết khiếu nại của bà T đối với văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận TĐ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc UBND quận TĐ ban hành công văn để giải quyết khiếu nại của bà T là không đúng về hình thức theo với quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011: *"Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại"* và không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011: *"Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình"*.

[3] Về nội dung Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của UBND quận TĐ:

[3.1] Theo Bản đồ hiện trạng vị trí có số hợp đồng 5054/HAA/2014 ngày 17/11/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã kiểm tra xác nhận số 3764/VPĐK ngày 21/11/2014 thì phần đất có diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 - tài liệu năm 1992.

[3.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đăng Ch, là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị T, có cung cấp tài liệu mới là Văn bản số 15315/VPĐK-KTĐC ngày 06/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc đối chiếu vị trí và cung cấp thông tin theo tài liệu từ sau năm 1975 đến nay đối với khu đất diện tích 413,3m^2 tại bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 5054/HAA/2014 ngày 17/11/2014 do Công ty TNHH Đo đạc – Xây dựng Hoàng Anh Anh lập, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận TĐ duyệt ngày 28/11/2014, thể hiện vị trí của khu đất theo tài liệu bản đồ qua các thời kỳ cụ thể như sau:

Theo sổ mục kê ruộng đất (bộ sao chép) tài liệu Chỉ thị 299/TTg do UBND xã HB lập ngày 24/7/1985 và UBND huyện TĐ duyệt ngày 01/8/1985 thì khu đất diện tích 413,3m^2 là một phần thửa đất số 741, tờ bản đồ số 2, xã HB, huyện TĐ có diện tích 2.240m^2; loại đất: Mùa; tên chủ sử dụng: Bùi Văn M.

Theo sổ mục kê đất (bộ sao chép) tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB thì thửa đất số 741, tờ bản đồ số 2, xã HB, huyện TĐ được tách làm 02 thửa: Thửa đất số 728 có diện tích 1.784m^2; loại đất: V; tên chủ sử dụng là Bùi Văn M và Thửa đất số 729 có diện tích 64m^2; loại đất: TL; tên chủ sử dụng: UB.

Theo dữ liệu Sổ dã ngoại tài liệu bản đồ địa chính (pháp lý 2005) thì diện tích 413,3m^2 thuộc thửa đất số 41; loại đất: T.V; tên chủ sử dụng: Bùi Văn M.

[3.3] Như vậy, theo nội dung Văn bản số 15315/VPĐK-KTĐC ngày 06/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố nêu trên đã thể hiện diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 - tài liệu năm 1992, có nguồn gốc là một phần của diện tích đất 2.240m^2 thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 2, xã HB, huyện TĐ; loại đất: Mùa; do ông Bùi Văn M sử dụng từ trước ngày 24/7/1985 theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg. Sau đó, theo dữ liệu Sổ dã ngoại tài liệu bản đồ địa chính (pháp lý 2005) thì diện tích đất này là một phần thuộc diện tích đất 413,3m^2 thuộc thửa đất số 41; loại đất: T.V; tên chủ sử dụng vẫn là ông Bùi Văn M.

[4] Theo đó xét kết luận của Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của UBND quận TĐ về phần đất 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 - tài liệu năm 1992, phường HB Phước, có nguồn gốc lấn chiếm đất sử dụng vào mục đích công trình công cộng nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận

theo đơn kiến nghị của bà T, là không phù hợp với nội dung Văn bản số 15315/VPĐK-KTĐC ngày 06/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, nên chưa đủ căn cứ vững chắc. Tuy nhiên, Văn bản số 15315/VPĐK-KTĐC ngày 06/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cũng nêu rõ: Nhằm bảo đảm tính chính xác của vị trí khu đất, cần có cơ quan chức năng đo đạc để kiểm tra số liệu, xác định ranh giới và đối chiếu thửa đất tại thực địa.

[5] Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T, sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T; hủy Văn bản trả lời khiếu nại số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân quận TĐ.

[6] Những ý kiến quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND quận TĐ không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[7] Ủy ban nhân dân quận TĐ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Bà Bùi Thị T, theo quy định pháp luật, không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T (do ông Nguyễn Đăng Ch là người đại diện theo ủy quyền của bà T thực hiện); sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 1194/2017/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T**.**

+ Hủy Văn bản số 4358/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân quận TĐ có nội dung trả lời đơn yêu cầu xem xét giải quyết cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 81,2m^2 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 10 – tài liệu năm 1992, phường HB Phước, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Bùi Thị T không phải nộp; hoàn trả cho bà T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0033607 ngày 21/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân quận TĐ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Bùi Thị T không phải nộp; hoàn trả cho bà T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2017/0047900 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 08 tháng 8 năm 2018.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
– VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
– Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
– Các đương sự;
– Lưu (3) 15b (QĐ-TTPT).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Đình Thanh